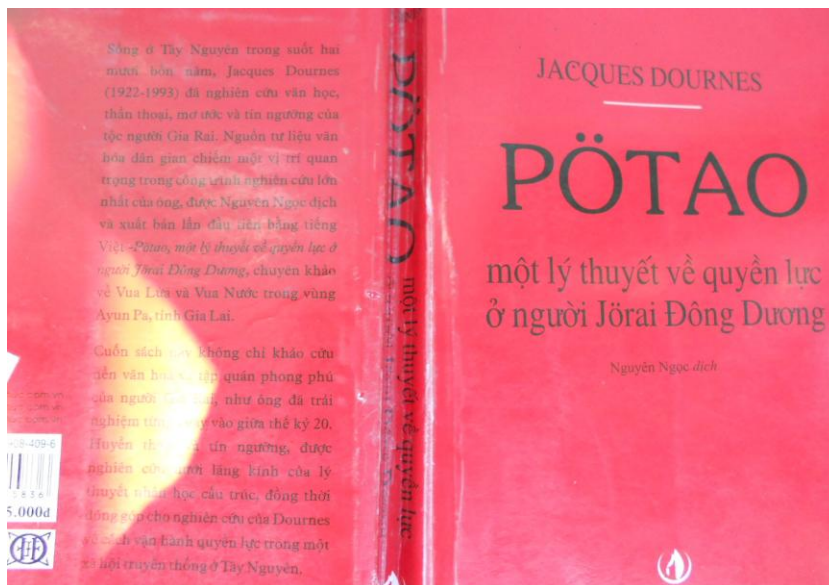


NHẬN THỨC MỚI VỀ POTAO QUA “POTAO, MỘT LÝ THUYẾT VỀ QUYỀN LỰC Ở NGƯỜI JORAI ĐÔNG DƯƠNG”

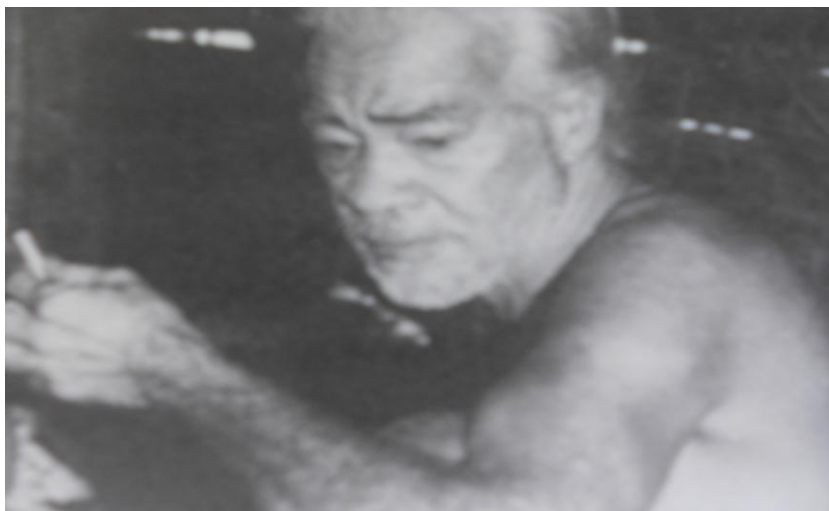
Nguyễn Lục Gia

[TÓM TẮT: Ngược lại với mô tả của biên niên sử Việt, Potao Hỏa ở về phía Đông và Potao Nước ở về phía Tây. Các Potao không phải vua mà là những vị vua - thần, đúng hơn là đóng vai trò vị chủ tể; còn trong quan hệ ngoại giao với các vương quốc hùng mạnh láng giềng, Potao không hề mang thân phận triều cống mà với tư cách liên minh ngang hàng.

Trong khi cả người Việt lẫn người Khmer không bao giờ nghĩ đến chiến tranh với các Potao thì người Pháp lại liên tiếp gây xung đột và áp đặt nền cai trị thực dân trên xứ sở Jorai. Thiết chế tự trị vững chắc và sức mạnh tiềm ẩn của tộc người Jorai thông qua bản lĩnh của các Potao liệu có bị khuất phục?]



Bìa sách *Potao, một lý thuyết về quyền lực ở người Jorai Đông Dương*



Potao Apui Oi Anyot tại Ploi Bah Rong năm 1970¹

1. Tác giả, tác phẩm và các thuật ngữ

Từ năm 1946, Jacques Dournes liên tục có mặt tại Tây Nguyên và trong suốt 15 năm (1955 – 1970) chung sống với cộng đồng người Jorai, ông đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến tộc người này thông qua một đề tài nghiên cứu nhân học chính trị. Ngày 23.6.1973 tại trường Đại học danh tiếng Sorbonne, J. Dournes đã bảo vệ thành công luận án khoa học cấp nhà nước (thèse d'état) mang tên *Potao: những bậc thầy của các nguyên tố, nghiên cứu nhân học chính trị ở người Gia Rai* (Potao: les maitres des éléments, étude d'anthropologie politique chez les Jorai), dưới sự hướng dẫn của Georges Condominas và có Claude Lévi Strauss là thành viên của Hội đồng. Chính đề tài luận án này đã phát hành thành tác phẩm *Potao, một lý thuyết về quyền lực ở người Gia Rai Đông Dương* (Potao: Une théorie du pouvoir chez les Jorai sud-indochinois, Paris, Flammarion) vào năm 1977. Chereo, tức Cheo Reo ngày nay là Ayun Pa nằm bên bờ sông Ba thuộc tỉnh Gia Rai là chiếc nôi khai sinh trực tiếp bản luận án cũng như tác phẩm kinh điển này.

Cho đến nay, *Potao, một lý thuyết về quyền lực ở người Gia Rai Đông Dương* vẫn là một công trình nghiên cứu chuyên sâu duy nhất về sự vận hành của quyền lực giữa những tộc người khác nhau ở khu vực Tây Nguyên.

Potao: đối với người Jorai nghĩa là chủ tế hay lãnh chúa; cùng một từ với Chăm là Patau: nghĩa là vua, một trong các vua-thần của tộc người Jorai nói một phương ngữ gần với tiếng Chăm (trong mục từ patau theo từ điển Chăm của Aymonier và Cabaton, 1906). Potao đọc là P'tao, chữ o câm đã rơi mất.

Trong khi biên niên sử Việt xác định Potao Ia/Nước ở phía Đông và Potao Apui/Hỏa (Lửa) ở phía Tây thì trong thực tế hoàn toàn ngược lại: Potao Apui/Hỏa ở phía Đông (gần với vùng Phú Yên) và Potao Ia/Nước ở phía Tây (gần về phía sông Mékong). Nhưng đối với người Jorai, họ cũng chẳng biết thế nào là Thủy hay Hỏa, vốn là những từ Hán Việt.

Jorai: đây là cách tác giả phiên âm theo tên đúng như tộc người này tự gọi mình và cũng là cách phiên âm chính xác nhất hiện nay. Có hai trường hợp sử dụng: Jorai (danh từ) và jorai (tính từ).

Jorai được viết nhiều cách khác nhau tùy theo ngữ cảnh: Jarai, Chréai, Trà Lai, Djirais, Chréray, Giraies...

Ê Đê được viết thành: Roder, Rades, Eddé, Rhadé...

Mơ Nông được viết thành: Bunong, Punong, Mnong, Mnông...

2. Thực chất về quyền lực của Potao

Trong số các dân tộc sinh sống trong vùng hinterland² thuộc nội địa Đông Dương, Jorai là tộc người quan trọng hơn cả về số lượng dân cư, diện tích chiếm cứ và những cơ cấu xã hội tự thiết lập. Chính nhờ vào thiết chế xã hội mang tính khu biệt độc đáo và độc lập vững chắc này mà

tộc người Jorai đã kháng cự có hiệu quả mọi loại ảnh hưởng từ bên ngoài, đồng thời tạo ra đỉnh cao bản sắc cắm rễ trên hệ thống chính trị - tôn giáo cộng đồng mà cũng chỉ mỗi tộc Jorai mới có, đó là các Potao. “Các dân tộc bên ngoài biết đến người Jorai như là dân tộc của các Potao” [tr.21].

Các Potao gồm có: Potao Ia/Nước, Potao Apui/Hỏa (Lửa) và Potao Angin/Gió; thậm chí còn có thêm một Potao nữa nhưng không trái ngược với các danh hiệu kia mà có tính cách xung hô chung là Potao Tonuh/Đất hay Lãnh thổ. Những thuật ngữ này có nguồn gốc trong kho từ vựng Chăm, trong đó Potao Tonuh là danh hiệu của một vị vua Champa: Po Tanoh, nghĩa là Người chủ của Xứ sở. Theo đó, có cách giải thích rằng Chăm và Jorai ban đầu chỉ là một dân tộc mà cuộc Nam tiến của “người Việt đã khiến họ vỡ ra” [tr.243].

Ba chức năng đặc biệt nói trên của các Potao ám chỉ về một loại hình chức không phải một tôn ti, đóng vai trò chủ tể thần bí trung gian và giữ mối liên hệ giữa cộng đồng Jorai với quyền năng vũ trụ kết tinh trong ba yếu tố vật chất đó. “Mối liên hệ thần bí này giữa cái nhất thời của cuộc sống xã hội hàng ngày với cái phi thời gian huyền thoại khiến các vị chủ tể trung gian này có một quyền lực lớn trong vùng hinterland Đông Dương, đến mức, do trò chơi chữ của chúng ta [người Pháp – TG], đã diễn ra một sự trượt nghĩa: các vị chủ tể của các trạng thái (của vật chất) được các cường quốc láng giềng coi như những bậc quốc chủ mà họ có quan hệ ngoại giao” [tr.22]. Từ đây, “potao”/chủ tể đã biến thành “lãnh chúa” trong tiếng Jorai, “po”/chủ hay quốc vương trong tiếng Champa, “vua” trong tiếng Việt, “samdach” trong tiếng Khmer, “sadet” trong tiếng Lào hay “roi du Feu” trong ngôn ngữ Pháp quốc. Tuy nhiên, trong cách hiểu của tộc người Jorai, Potao hoàn toàn khác xa với nghĩa “vương quyền” nên “các Potao Jorai không bao giờ được coi là những người đứng đầu quốc gia, đâu có sự biến đổi nào” [tr.23].

Chức trách của các Potao là cầu mưa. Thông thường, Potao chỉ đến thăm làng khi ông đi tuần du theo nghi thức vào đầu mùa mưa, tức khoảng tháng tám-chín (âm lịch). Ba vị Potao, mỗi người đảm nhận khu vực mình đi thăm, “điều khiển mưa, nghĩa là cầu trời vào thời gian phải bắt đầu mưa để nó đến cho đúng lúc; theo phép diễn dịch, họ được coi là có thể làm ra mưa hay ngăn nó lại khi không phải là mùa” [tr.342].

Tuy nhiên, theo lời Potao Angin, các Potao mà chủ yếu là Potao Apui đúng ra phải tuần du (hyu dar) mỗi năm hai lần, một lần vào mùa khô, khi người ta bẻ ngô (tháng hai-ba), một lần vào mùa mưa giữa thời gian trổ lúa non (tháng sáu) và thời gian thu hoạch lúa (tháng chạp). Trong thời gian đã định, nếu Potao không kịp thăm tất cả các làng thì sau đó phải đi tiếp để “sẽ có mưa đủ cho khắp nơi”³. Trong khi đó, Potao Angin hạn chế cuộc tuần du bao quanh chỗ ở của ông và đôi khi bỏ sung những nơi mà Potao Apui bỏ lại. Còn ngày nay⁴, Potao chỉ tuần du một lần trong năm. Mức thuế trung bình quyền góp cho Potao được tính: mỗi

nhà 250 gam gạo, 1 ché rượu cần, 5 đồng bạc; mỗi làng 1 con gà và 1 con heo. Tuy vậy, trong thực tế người ta cùng nhau đóng góp vừa đủ để làm một lễ cúng và “làm cho người giàu người nghèo đều cùng được hưởng mưa chẳng biết rơi vào đâu” [tr.354].

Ngoài ra, các Potao còn đảm nhận chức năng khăn cầu chiến thắng khi xảy ra các cuộc chiến tranh địa phương mà ngày nay không còn thấy nữa hoặc chữa bệnh khi dịch đậu mùa bùng phát.

Mẫu thức khăn cầu đều giống nhau ở một chức năng Potao được cả ba nhân vật thực hiện, như thực chất của trật tự lôgic này rằng “muốn tránh mọi tai ương thì con người phải lao động; sản vật từ canh tác của họ (chủ yếu là ngũ cốc) có tác dụng thứ hai là nuôi tiểu gia súc, đây là nguồn cung cấp công vật để hiến sinh dâng vị chủ tế - người đã cho phép diễn ra toàn bộ vòng tuần hoàn này; vòng tuần hoàn đã đóng lại, chu kỳ nông nghiệp đã xong. Mọi thứ đều đúng trật tự và tất cả lại bắt đầu” [tr.385].

Không chỉ tộc người Jorai mới biết đến Potao mà các cộng đồng người khác trong vùng hinterland đều hết thảy sùng kính. Tuy nhiên, điều đặc biệt là dù thuộc trong phạm vi quản lý của Potao nào, chẳng hạn tộc người Ê Đê sống hẳn về phía Nam của Potao Ia/Nước thì họ vẫn gọi Potao phía Đông, tức Potao Apui/Lửa là Potao Ddau, điều khiến ông ta là Potao, vị chủ tế Jorai, người sở hữu lưỡi gươm là quyền uy lẫn sức mạnh duy nhất trên cao nguyên hinterland. Thực tế đó chứng minh sự thống nhất của nguyên lý Potao rằng “vấn đề không phải là nhấn mạnh đến sự đối lập của nhiều Potao mà là tính độc đáo của một hệ thống đặc trưng phân biệt người Jorai với những người khác. Người ta cầu cúng hai Potao (đúng ra là ba), nhưng người ta chỉ cầu cúng một chủ tế...” [tr.398].

Như vậy, Potao là vị chủ tế hay mẫu hình của nhân dân Jorai được giải phóng khỏi các lãnh chúa chiến tranh, tức các Potao trong truyền thuyết.

3. Potao qua biên niên sử và truyền thuyết Khmer

Vào đầu thế kỷ XVII, triều đình Khmer cung cấp hai văn bản xuất phát từ nhà vua Soriyopor nhấn mạnh đến mối liên hệ với các Potao Jorai cùng những vinh dự mà hoàng gia Lovek dành cho vị chủ tế của một xứ sở độc lập đang tạo thế cân bằng giữa những dân tộc được Ấn hóa ở phía Tây và những dân tộc bị Hán hóa ở phía Đông trên bán đảo Đông Dương.

Văn bản thứ nhất là một sắc lệnh của nhà vua có niên đại 1525 Saka, tức năm 1603 AD về việc mang lễ vật dâng mừng các vị tân vương Jorai Sdach Tuk và Sdach Ploeng, tức Sadet Nước và Sadet Lửa: “Lệnh triều đình của nhà vua ở Long Vek, kinh đô của Cămpuchia, là vị chúa tể tối cao trên đầu mọi thần dân, phải được Oknha Thik Pikar và Chau-ponhea Thik Chiriya mang đi, cùng với lễ vật, đến xứ Ayun-Apar⁵ cho các người cháu là các vua Nước và Lửa nhằm chúc họ được hạnh phúc và thịnh vượng, để giữ thanh Preah Khan⁶ trên đỉnh núi quý và họ được là vua trên các xứ Roder, Chréay và Pnong, đúng theo truyền thống từ thời

cổ đến nay, để chăm lo gìn giữ các con đường và các khu rừng chống lại mọi kẻ thù [...] Ngày xưa, thời cổ, cứ ba năm phải đi lên và dâng [lễ vật] một lần...” [tr.181].

Văn bản thứ hai là pháp điển về việc thành lập tu viện ở Sambok cũng có niên đại 1525 Saka, khu vực diễn ra cuộc trao đổi các tặng vật giữa các Potao và các sứ thần nhà vua Khmer, cùng những mô tả về tặng vật được cấp theo quy định ba năm một lần như sau: “Năm 1525 Saka, trong năm con bò, ngày thứ mười hạ tuần tháng Meak, đức vua Sri Soriyopor [...] đã ra lệnh xây dựng Preah Vihear, Preah Chi và Chetiya trong xứ Sambok này để làm thành cánh cửa cho vương quốc Cămpuchia...” [tr.177]. Một truyền thuyết khác ở Cao Miên bổ sung thông tin về địa điểm gặp gỡ này rằng “Ba năm một lần, vua Cămpuchia cho mang các sản phẩm nhiều loại [...] đến phân phát cho vua Nước và vua Lửa. Việc phân phát này diễn ra ở Phum Sambok, trong một chỗ rào để nhốt voi ở về phía Đông Bắc và cách ngôi chùa Sambok hai cây số rưỡi. Đây là một gò đất nhỏ mỗi bề hai cây số và cho đến ngày nay ở nơi đó vẫn còn một cái Néak-Tà⁷ có tên là Prah Ang Prah Khan, hay Rong Damrei, hay cũng còn gọi là Sdach Tuk Phloeung. Vua Nước và vua Lửa đến chủ trì buổi lễ...” [tr.185].

Còn đây là danh sách các vật hiến cho vua Lửa và vua Nước:

“hai⁸ con voi đực,
hai cái yên thò phủ sơn mài trang trí nhiều ngôi sao,
sáu con trâu,
hai bộ lược mịn và thô,
hai bộ kéo cắt gỗ lớn và nhỏ,
hai đôi trống nhỏ,
hai đôi sáo Pei,
hai sáo Peiar, hai đàn nhị,
hai đàn một dây Sediev, hai đàn tranh,
hai lạng hạt cau,
hai con dao cau, hai bình vôi
hai cốc có chân viền” [tr.177-178].

Tuy nhiên, danh mục đây ấn tượng này dường như nhằm vào một trường hợp quan trọng chứ không hẳn là những lễ vật theo quy định ba năm một lần: khi có một Potao chết hoặc khi người kế nhiệm được tôn vinh. Trong trường hợp như vậy, các Potao thực sự vượt ra khỏi địa vị của những phù thủy hay thầy pháp lẫn cả các vị nguyên thủ quốc gia: “Khi một trong hai vị vua chết, phải chuẩn bị các Prasada⁹, đặt lên lưng một con voi cái và một con voi đực và dắt chúng đến nhà vị vua ấy, dưới sự chỉ huy của Chau Ponhea Tos Ansa, Oknha Thik Pikar và Chau-Ponhea Thik Chiriya... Sau đây là lễ luật truyền thống của các vua Nước và Lửa. Trước tiên phải tắm rửa thân thể ông bằng quả cây Sambuor, rồi xát bằng bột và dầu. Cuối cùng, Oknha Thik Chiriya đọc lời viếng ca

ngôi ông, bài viếng được đọc ba lần [mỗi lần do một chức sắc đọc] và được dịch ra tiếng của xứ mình, các lễ vật đặt hai bên thi hài, các vị chức sắc đứng giữa nhóm các nhạc công thổi những chiếc sáo lớn và nhỏ, tùy theo chủng tộc của mình [đúng theo tập quán Jaray]” [tr.179].

Chính vị thế trung gian trên bậc thềm cao nguyên trong việc giải quyết các mối liên minh một cách độc lập giữa một bên là Đại Việt với đường hướng Tây tiến từ sau năm 1471 và một bên là Khmer đã nâng cao sự tranh thủ của quốc vương Khmer đối với các Potao cùng tộc người Jorai. Trường hợp ngược lại, trao đổi ngoại giao của các Potao đối với nhà vua Lovek được một nghi thức các lễ hội triều đình Khmer đề cập gồm có ngà voi, sừng tê giác và quần áo được vua Lửa và vua Nước gửi đi”; hay như một văn kiện của Học viện Phật giáo nói đến với “các sừng tê giác, sáp ong nguyên chất, lạc và vừng”; hoặc theo một số mô tả khác thì có: hai trái bầu lớn, một trái đựng đầy gạo, trái kia chứa đầy vừng, một bánh sáp ong có in dấu ngón tay của vua Lửa mà thực ra là ngón chân cái của ông với quyền năng kỳ lạ, một ít ngà voi và những sừng tê giác. Trong khi sáp được dùng làm nến thì khi có bệnh dịch, lụt lội hay chiến tranh, người ta rắc một ít gạo và vừng lên mặt đất để làm cho các hung thần nguôi giận¹⁰.

Cũng chính truyền thuyết được nhắc đến bên trên tiết lộ thêm thông tin trong các lần trao đổi lễ vật tại Sambok: “...các vua Nước và Lửa thuộc bộ lạc Cray. Nhưng người ta không biết [họ] sống ở đâu [...] Vua Lửa giữ gươm thiêng, vua Nước giữ Prah Rompat. Prah Khan và Prah Rompat được giấu trong một cái hang hẹp trên một ngọn núi xứ ở xứ Cray [...] Gươm không có cán; chỉ có lưỡi, không có bao, được quấn bằng một miếng vải đỏ và đặt trên một cái cọc có chân. Còn Prah Rompat, hay roi thiêng, được làm bằng mây krek, cũng đặt trên một cái cọc không có chân. Những vật này không bao giờ để gần nhau [...] Ba năm một lần, vua Campuchia cho mang vải bông mộc và vải trúc bâu đến cho vua Nước và vua Lửa. Việc phân phối được thực hiện ở phum Sambok, trong một trại voi [...] (chỗ có ngôi chùa bây giờ ngày trước gọi là công vương quốc hay Tuar Prah Nokor. Có thể đây là biên giới chia tách xứ Phnong với xứ của người Campuchia) [...] Vua Nước và vua Lửa cưỡi voi đến chủ trì lễ tiếp nhận. Họ nhận lễ vật của vua Campuchia và đổi lại gửi tặng nhà vua chủ yếu là sừng, ngà voi, sáp tươi, đậu và vừng, vì các sản vật ấy là quý nhất trong xứ họ” [tr.238-239].

4. Potao trước và trong công cuộc thực dân hóa

Từ đầu thế kỷ XVII, thông qua giáo sĩ Christoforo Borri người phương Tây đã biết đến các tộc người bản địa Đông Dương mà họ gọi chung bằng danh xưng Kemoi/kẻ mọi/những người man di. Năm 1686, qua lời kể của giới giáo sĩ từng qua lại truyền đạo ở xứ Đàng Trong và Cao Miên, thành viên của Viện Hàn lâm Pháp Francois Timoléon de Choisy mô tả: “Xứ Đàng Trong dài một trăm dặm kể từ phía Bắc xuống

phía Nam, và mười, hai mươi hay hai mươi lăm dặm bề rộng. Cách những người man di Ké-moi mười hay mười hai dặm, những người này vẫn dâng cống vật cho nhà vua Đàng Trong. Đám Ké-moi này chẳng có vua mà cũng mà cũng chẳng có tôn giáo. Họ không có thần tượng và thờ trời. Hầu hết họ đều là phù thủy, hay cố thành phù thủy để voi và hổ không thể ăn thịt họ” [tr.31]. Giáo sĩ Marini Romain tuy ở Đàng Ngoài nhưng thông tin của ông về xứ cao nguyên Đông Dương bấy giờ không hề kém giá trị rằng “Người ta đếm được ở đây năm ông hoàng được coi là những vị quốc vương; nếu ta muốn kể thêm các dân tộc sống trên vùng núi xa xôi và dã man hơn, họ phục tùng hai vị vua nhỏ, một vị được gọi là vua Nước, vị kia là vua Lửa, thì ta có đến bảy ông hoàng [...] Vị thứ sáu và vị thứ bảy ở trong vùng Rumoi, nơi sinh sống của những người man di phục tùng hai vị vua nhỏ là vua Nước và vua Lửa” [tr.32].

Trong khi đó, phải đến thế kỷ XVIII thì các Potao mới được triều đình Đàng Trong nhắc đến. Năm 1711, tức đúng một trăm năm sau khi sáp nhập Phú Yên vào xứ Đàng Trong, triều đình chúa Nguyễn mới bắt đầu thông tin: “Các vương Đôn và Nga, thuộc hai bộ lạc rợ man Nam Bàn và Trà Lai (ở vùng biên giới Phú Yên và Bình Định, và hình như thuộc quốc gia Lửa [Hỏa quốc], nhưng không chắc lắm) phái các sứ bộ mang đến biểu các sản phẩm của xứ họ và báo tin rằng dân của họ không chịu nộp thuế; họ yêu cầu có một cuộc hành quân tiêu phạt” [tr.194]. Năm 1751, quan hệ ngoại giao giữa các Potao với chúa Nguyễn bắt đầu chính thức thông qua thung lũng sông Ba thuộc vùng Phú Yên: “Vua Nước [Thủy Xá] và vua Lửa [Hỏa Xá] dâng lễ vật [vào cống] [...] Ở đầu xứ, gần Phú Yên, năm năm một lần các phái viên được phái đến, và nhận các lễ vật (quần áo bằng lụa, khăn đóng, nồi niêu, chảo, chén bát). Các vị vua của các xứ này nhận các lễ vật ấy và liền chuẩn bị các sản vật của xứ họ để dâng cống (gỗ lô hội, sáp ong, sừng nai, mật gấu, ngà voi). Các vị sứ mang các lễ vật ấy đến tận đây. Vua [Nguyễn] ban thưởng hào phóng cho họ khi họ trở về” [tr.195]. Rõ ràng, đây là quan hệ láng giềng thân thiện hơn là quan hệ thiên tử - chư hầu, tuy rằng triều đình chúa Nguyễn có thể tự hào có các Potao làm chư hầu, trong khi các Potao thì mặc nhiên hoàn toàn độc lập tại xứ sở Jorai.

Vương triều Nguyễn thành lập ở thế kỷ XIX trong chính sách Nhu viễn/Hòa bình đối với chôn xa, đã xếp vương quốc của các Potao vào hàng Thuộc quốc chứ không phải Thuộc man, tức là đồng minh ngang hàng chứ không phải các tộc man di phải có nghĩa vụ cống nạp. Theo đó, Potao ngang hàng với Cao Miên và Vạn Tượng, thậm chí Potao còn được triều đình Huế đánh giá cao hơn cả hai vương quốc láng giềng rộng lớn kia.

Dưới góc độ văn bản học, từ “triều cống” trong tiếng Việt hay “dâng cống vật” trong tiếng Pháp mà triều đình Huế chỉ định đối với các Potao được chuyển ngữ sang tiếng Jorai là “pobbuh”, có nghĩa là “ra mắt”

hay “trình diện”. Ngoài những lợi thế vật chất nhận được từ phía triều đình, các Potao còn dự một nghi lễ thiêng. Sự kiện đúng đối với cả hai phía bởi đã không tách rời chính trị với tôn giáo, vốn là bản chất của các thiết chế xã hội này. Nghi thức tiếp đón và tống tiễn các Potao cũng cho thấy thái độ coi trọng của vua Nguyễn, điều mà triều đình Huế không dành cho bất cứ phái bộ phiên thuộc nào khác: “Đặng Đức Thiệm và Nguyễn Văn Hảo cần chuẩn bị sẵn sàng một chiếc thuyền, với mười người và một thông ngôn, để đưa các đại diện Thủy Xá ra kinh thành theo đường thủy... Các phái viên của nước Thủy Xá đi về bằng đường thủy, vậy nên một chiến thuyền của tỉnh Thừa Thiên phải đưa họ đến Thanh Hà và từ đó về tới Phú Yên...” [tr.205].

Khi người Pháp tiến hành cuộc thực dân hóa vùng hinterland, các Potao đã bị đồng nhất với toàn bộ các tộc người man di khác. Chính điều này đã gây sự phản ứng kịch liệt của người Jorai bằng những vụ sát hại kinh hoàng đối với đôi phương kém hiểu biết trong chính sách can thiệp và cai trị thô bạo của mình. Trong khi người Pháp vẫn ngoan cố chinh phục tộc Jorai và gọi các Potao hay Sadet là những tên phù thủy gian ác, thì một người Jorai lại khôn ngoan đoán trước rằng “Người Pháp sẽ không ở lại đây mãi, tốt hơn là đừng gắn bó với họ, mà nên khéo léo với người Việt” [tr.222]. Đây chính là luận chứng sâu xa chứng tỏ tộc người Jorai vốn dĩ độc lập hơn các tộc người khác ở hinterland. Năm giữa người Ê Đê và Ba Na đã bị thực dân hóa hoàn toàn vào thập niên cuối của thế kỷ XIX, người Xơ Đăng ở phía Bắc và người Mnông ở phía Nam cũng đã chịu quy phục từ đầu thế kỷ XX, tộc Jorai vẫn không thể khuất phục trước sức mạnh của Pháp quốc. Người Pháp bắt lực: “Tiêu diệt chúng là một giải pháp không thể tính đến. Truất quyền sở hữu đất đai của chúng chẳng? Có những bọn rất hiếu chiến. Bọn người Djarai, chưa được khuất phục và là nhóm đông đảo nhất, chiếm ngay vùng trung tâm, hay ở gần đó, của cao nguyên mà chúng ta đang muốn chiếm” [tr.223]. Còn đây là kinh nghiệm từ những quan sát của người trong cuộc: “... dù có tạo ra các vẻ bên ngoài như thế nào để làm vừa lòng người khác, người Jorai vẫn không để cho mình bị ảnh hưởng trong chiều sâu bởi các tác nhân ngoại lai đối với hệ thống văn nguyên vẹn của mình – điều này khiến cho người Jorai vẫn nguyên là chính mình dưới nhiều chế độ thực dân khác nhau, như là dưới những bộ quần áo nhập khẩu hay một từ ngữ của thứ tiếng học được. Bộ vét tông đối với anh ta chẳng hề là một trở ngại cũng như tình trạng trần truồng đối với anh không là cần thiết để đích thực là Jorai” [tr.351].

Chưa phải là những lời cuối sách, song hãy để cho chính tác giả, người bạn thân thiết của các Potao và tộc người Jorai trong suốt quãng thời gian mười lăm năm chung sống sớm đưa ra nhận xét: “Hiện tượng Potao là trường hợp hiếm thấy của một quyền lực, chưa bao giờ bị xóa

bỏ, cũng ít khi biến đổi, không bị ghép chồng lên qua công cuộc thực dân hóa, đến mức nó vượt ra ngoài tầm hiểu biết của phương Tây và mọi uy lực bên ngoài; cũng đáng chú ý là các Potao cũng không bị các phong trào chính trị địa phương như FULRO lợi dụng, các mặt trận và phe phái có xu hướng Việt Nam thì càng ít hơn” [tr.230-231].

Hãy đọc *Potao, một lý thuyết về quyền lực ở người Gia Rai Đông Dương* để nhận ra nội lực quy tụ độc đáo của các Potao này trên thiên thung đại ngàn hinterland Jorai!

CHÚ THÍCH

¹ Ploi Bah Rong ở chỗ hợp lưu (bah) hai sông Rong và Ké, là phụ lưu của sông Ayun, cách Cheo Reo khoảng 30km lùi về phía Tây. Oi Anyot sống với vợ và người cháu con bà chị trong một căn nhà nhỏ hơn mức trung bình và nghèo hơn các nhà khác vì không có cửa cải đáng giá. Ông thường ở trần, bởi trần trướng là lỗi trang phục kính trọng duy nhất để cầu khẩn trời và thực hiện các nghi lễ quan trọng, chỉ đóng một chiếc khố màu trắng, là dấu hiệu đặc biệt của Potao, trong khi tất cả người Jorai mặc khố màu chàm đậm viền đỏ và trắng. Potao Apui cũng ăn mặc như vậy khi đi tuần du, đi bộ hoặc đi xe như mọi người hiện thời.

² Hinterland là vùng nội địa bên trong, cách xa biển/thành thị.

³ Nguyên văn lời dịch của tác giả qua chuyện kể của vua Gió.

⁴ Chỉ thời điểm tác giả bắt đầu quá trình nghiên cứu khi sống chung với tộc người Jorai tại Cheo Reo từ năm 1955.

⁵ Xứ Ayun - Apar gồm các thung lũng của sông Ayun và sông Apa (trong tiếng Khmer, chữ r cuối không phát âm được), tức sông Ba, hai sông này gặp nhau ở Cheo Reo, trung tâm của xứ sở Jorai.

⁶ Preah Khan là lưỡi gươm thiêng, vật thần bảo hộ của vương quốc Jorai.

⁷ Khám cúng thổ địa.

⁸ Tất cả đều có số đôi vì được chia cho cả hai Potao.

⁹ Prasada: tiếng Sankrit (tiếng Khmer là Prasat) là một công trình có mục đích nghi lễ, có thể chỉ ngôi nhà táng to lớn được dựng lên để đặt thi hài nhà vua.

¹⁰ Mô tả của Moura, trong: J. Moura (1883), *Le royaume du Cambodge*, Paris, Leroux, tr.434-436.

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU VÀ TRÍCH DẪN

Jacques Dournes (2013), *Potao, một lý thuyết về quyền lực ở người Jorai Đông Dương*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

Nguyễn Lục Gia

Trường THPT Trần Quốc Tuấn – Phú Hoà – Phú Yên

ĐT: 0973433617 – Email: vanjack.nguyen@gmail.com